TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 06/7/2022
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2. Ông Nguyễn Vi Tường Thụy

Thư ký Tòa án: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ thường trú: 322/2 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ thường trú : 322/2 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ liên lạc hiện nay : Thôn PK, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Đình D trình bày**:**

Ông D và bà H chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, Quyển số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống D và bà H có một người con chung là cháu Nguyễn Uyên P (nữ) – sinh ngày 16/9/2016. Thời gian đầu mới kết hôn thì cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và cách sống không hòa hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn thường xuyên và lâu dài đã làm mất tình cảm với

nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Ông D, bà H có một người con chung tên Nguyễn Nguyễn Uyên P (nữ) – sinh ngày 16/9/2016. Hiện nay cháu đang ở với bà H. Ông D đồng ý để bà H tiếp tục nuôi cháu P. Trong trường hợp bà H chăm sóc, giáo dục không tốt thì ông D sẽ yêu cầu thay đổi người nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con thì ông D sẽ cấp dưỡng với số tiền 5.000.000 đồng/tháng hoặc theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bà H không nuôi con, đề nghị Tòa án cho ông D được quyền nuôi con và ông không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông D xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông D xác định có nợ Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh VD và bà bà Nguyễn Thị Bích T nhưng ông đề nghị vợ chồng sẽ tự thỏa thuận giải quyết, ông không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Đình D vì hiện nay bà và ông D vẫn chưa giải quyết dứt điểm chuyện tiền bạc.

- Về con chung : Bà H và ông D có một con chung là cháu Nguyễn Uyên P (nữ) – sinh ngày 16/9/2016. Hiện cháu P đang ở với bà H. Trường hợp bà H nuôi con thì ông D phải chu cấp 5.000.000 đồng/tháng. Nếu ông D không đồng ý chu cấp số tiền này thì ông D nuôi con, bà H không phụ cấp.

- Về tài sản chung : Trước đây bà H có yêu cầu chia tài sản chung là mảnh đất diện tích 251 m^2 ở thôn E, xã HL, huyện VĐ tỉnh QN và quyền thuê căn nhà 322/2 D, Phường D1, Quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án có yêu cầu bà H nộp tiền tạm ứng án phí để xem xét yêu cầu. Tuy nhiên tại thời điểm đó bà H trình bày do bị mấy giấy thông báo của Tòa và bà H nghe có người mua đất nên bà H không đóng tiền nữa.

- Về nợ chung : Bà H, ông D có khoản nợ với bà Nguyễn Thị Bích T là em gái của bà H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Vấn đề khác : Tại Công văn trả lời xác minh về mâu thuẫn gia đình, Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận B2 cho biết không nắm rõ thông tin nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình ông Nguyễn Đình Dvà bà Nguyễn Thị H.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là ông D giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung: Tuy ông D không có yêu cầu giải quyết tài sản chung trong vụ án này nhưng ông đồng ý việc giải quyết vấn đề về tài sản là bán mảnh đất đất diện tích 251 m^2 ở thôn E, xã HL, huyện VĐ tỉnh QN. Số tiền thu được sau đi trừ đi các khoản nợ thì sẽ chia đôi cho ông D, bà H mỗi người một nửa.

- Bị đơn trình bày: Tại phiên tòa hôm nay thì bà H vẫn có yêu cầu chia tài sản là mảnh đất diện tích 251 m^2 ở thôn E, xã HL, huyện VĐ tỉnh QN và quyền thuê căn

nhà 322/2 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên bà H xác định không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí. Lý do vì hoàn cảnh kinh tế của bà H không có khả năng và ông D là nguyên đơn khởi kiện nên phải có nghĩa vụ đóng tiền tạm ứng án phí này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên hồ sơ có sự vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án, cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án:

- Về yêu cầu ly hôn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn cho ông D ly hôn với bà H.

- Về con chung: Đề nghị giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000/tháng.

- Về vấn đề tài sản khi ly hôn: Do bà H không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí để xem xét yêu cầu chia tài sản chung nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của bà. Dành quyền khởi kiện cho bà H bằng một vụ án khác nếu bà H có yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình D, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Công an Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh và Công an xã HT, huyện PH, tỉnh PY thì xác định tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị H có cư trú tại Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B2 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về yêu cầu chia tài sản chung của bà H

- Về yêu cầu chia tài sản chung : Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có làm đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là mảnh đất có diện tích 251m^2 ở thôn E, xã HL, huyện VĐ, tỉnh QN.Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà H. Hết thời hạn đóng tiền tạm ứng nhưng bà H không nộp lại biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Lý do mà bà H đưa ra là bị mất Giấy thông báo của Tòa và tại thời điểm đó thì đang có người hỏi mua đất nên bà không đóng tiền tạm ứng án phí nữa.

Xét thấy, lý do trên của bà H không khách quan và bà H không chứng minh được mình thuộc trường hợp bất khả kháng nên Tòa án căn cứ quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 192 và khoản 1 Điều 194 đã ra Thông báo số 102-6/TB-TA ngày 10/3/2022 về việc trả lại đơn yêu cầu chia tài sản chung cho bà H.

Tại phiên tòa, khi được hỏi về vấn đề chia tài sản chung bà H cũng xác định bà không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí vì bà trình bày rằng không có khả năng và ông D là nguyên đơn đi khởi kiện nên phải có nghĩa vụ đóng khoản tiền này.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự quy định : ‘‘*Đương sự khi tham gia tố tụng, đương sự có quyền nghĩa vụ sau :*

1….

2. Nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật’’

Xét thấy, do bà H không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà Hảo trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung cho bà H trong vụ án khác nếu bà H vẫn tiếp tục có yêu cầu.

[1.3] Về vấn đề nợ chung

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D, bà H trình bày ông bà có hai khoản nợ chung tại Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh VĐ và khoản nợ đối với bà Nguyễn Thị Bích T là em ruột của bà H.

- Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Bích T, tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2022 bà T có ý kiến : ‘*Đối với vụ án ly hôn giữa ông D, bà H thì bà T không có yêu cầu khởi kiện độc lập, đòi lại số tiền 730.000.000 đồng. Bà thống nhất với ý kiến chị gái là bà H, đồng thời xin được vắng mặt tại tòa án’*

- Đối với khoản nợ tại Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh VĐ có ý kiến : ‘*Hợp đồng vay đang trong quá trình thực hiện, thời hạn của hợp đồng chưa kết thúc. Ngày trả nợ cuối cùng của hợp đồng cho vay là ngày 06/11/2022. Số tiền vay ban đầu là 800.000.000 đồng. Dư nợ gốc hiện tại là 103.200.000 đồng. Ngân hàng đề nghị ông D, bà H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn và đầy đủ theo quy định của hợp đồng cho vay’’.*

Như vậy, trong vụ án này ông D, bà H có nêu ra các khoản nợ nhưng về phía Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh VĐ và bà Nguyễn Thị Bích T đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề nợ chung của ông D, bà H và không đưa Ngân hàng TMCP C và bà Nguyễn Thị Bích T vào tham gia trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngân hàng TMCP C và bà Nguyễn Thị Bích T được quyền khởi kiện một vụ án khác để giải quyết vấn đề nợ chung của ông D bà H nếu có yêu cầu.

[**2**] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Đình D và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo ông D thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ lâu, hai bên đã cố gắng tự hòa giải đề hàn gắn, đoàn tụ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả và thực tế ông D, bà H đã không chung sống với nhau đã hơn 03 năm nay.

Về ý kiến của H thì bà chưa muốn ly hôn vì vấn đề tài sản vẫn chưa được giải quyết xong.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc chung trong gia đình. Lý do mà bà H đưa ra và không đồng ý ly hôn chỉ vì vấn đề tài sản chưa giải quyết xong là không phù hợp bởi lẽ trong hôn nhân thì vấn đề tình cảm vợ chồng và vấn đề tài sản là hai vấn khác nhau; khi tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được thì phải xem xét đến vấn đề ly hôn chứ không thể vì chuyện giải quyết tài sản chưa xong nên không đồng ý giải quyết ly hôn được.

Xét thấy, do thời gian xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng giữa ông D , bà H đã phai nhạt, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau, do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông D được ly hôn với bà H.

[2.2] Về con chung: Ông D, bà H có một người con chung tên Nguyễn Uyên P (nữ) – sinh ngày 16/9/2016, hiện nay đang sống cùng bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, vì bé P là nữ và hiện nay đang còn nhỏ nên cần tiếp tục giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con : Bà H đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng và ông D đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ông Nguyễn Đình D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 5.000.000/tháng.

[2.3] Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Về phía bà H, như đã phân tích ở trên, do bà H không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để thụ lý và xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà H trong vụ án này.

Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung cho bà H trong vụ án khác nếu bà H vẫn tiếp tục có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Do các bên có quyền là Ngân hàng TMCP C và bà Nguyễn Thị Bích T không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề nợ chung và không đưa những người trên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng TMCP C và bà Nguyễn Thị Bích T bằng một vụ án khác để giải quyết vấn đề nợ chung của ông D, bà H nếu có yêu cầu.

[**3**] Về án phí: Ông Nguyễn Đình D chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) cho yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 ; Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình D được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Ông D, bà H có một người con chung tên Nguyễn Uyên P (nữ) – sinh ngày 16/9/2016; Giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 01 dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/7/2022 đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Nếu ngày giao nhận trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì sẽ được thực hiện vào ngày tiếp theo đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị H, nếu ông Nguyễn Đình D không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi

con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Bà H không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không có căn cứ thụ lý, xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà H trong vụ án này.

Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung cho ông D, bà H trong vụ án khác nếu ông D, bà H có yêu cầu.

- Về nợ chung: Do bên có quyền là Ngân hàng TMCP C và bà Nguyễn Thị Bích T không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề nợ chung. Dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng TMCP C và bà Nguyễn Thị Bích T bằng một vụ án khác để giải quyết nếu có yêu cầu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình D chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2019/0014812 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Đình D, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP -VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- UBND Phường 11, Quận 10
(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Anh